qiū tiān

秋天

Noun · autumn

Example Sentences

qiū tiān yè zi biàn huáng le
秋 天 叶 子 变 黄 了。
Leaves turn yellow in autumn.

qiū tiān chuān jiá ǎo zhèng hé shì
秋 天 穿 夹 袄 正 合 适。
Wearing a lined jacket in autumn is just right.

jiǔ yuè shì qiū tiān de kāi shǐ
九 月 是 秋 天 的 开 始。
September is the beginning of autumn.

Trace each character, then write the word on your own.